

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH – HIỆU CHUẨN
THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Lô B2-03 Khu dân cư Bến Lội- Lại An, Quốc lộ 1A, thôn Thắng Lợi, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận
Tel: 0915037788- 0938021506 Email: doluongbinhthuan@gmail.com

Số/ N^o: 03/KTKT/25

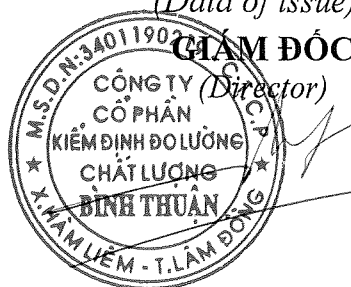
**KẾT QUẢ KIỂM TRA
TEST RESULTS**

Trang/ Page: 01/01

1. Tên phương tiện đo/ *Object*: **: CON LẮC ANH THÍ NGHIỆM ĐỘ CHỐNG TRƯỢT**
2. Kiểu/ *Type*: **: BM-III**
3. Số hiệu/*Serial No*: **: 240421**
4. Số nhận dạng/ *Identified No*: **: Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ *Manufacture*: **: Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất / *Year*: **: Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification*: **:**
- Tiêu chuẩn Việt Nam **: 10271:2014**
8. Cơ sở sử dụng/ *Customer*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
524 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh**
9. Nơi thực hiện/ *Place of testing*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp thực hiện/ *Method of testing*: **: Đánh giá kiểm tra trực tiếp**
11. Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions*: **: (23±3)^oC ; (60±10)%RH**
12. Hiệu chỉnh phương tiện đo /*Adjustment*: **: Có/ Yes: Không/ No:**
13. Ngày thực hiện/ *Date of testing*: **: 15/09/2025**
14. Tem số/ *Stamp N^o*: **: 03/KTKT/25**
15. Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo/ *measuring date should be recommended*: **15/10/2026**

Bình Thuận, ngày 15 tháng 09 năm 2025
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)



Phạm Hải Đăng

Nguyễn Quang Huy Hùng

Không được sao chép rời khi kết quả thử nghiệm có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận
(This testing results shall not be reprinted except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**

(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8551.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy lắc sàng**

Kiểu (Type) : **ZBSX-92A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **251517**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 7572:2006**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG

Địa chỉ (Address): 526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay; Thước cặp điện tử

Kết quả (Results) : - Tốc độ: 149 lần/phút

- Bán kính chuyển động: 12,63 mm

- Biên độ lắc: 8,05 mm

Với độ không đảm bảo đo: $U = 1.6 \cdot 10^{-2}$ hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **04 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2026

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(No of pages)

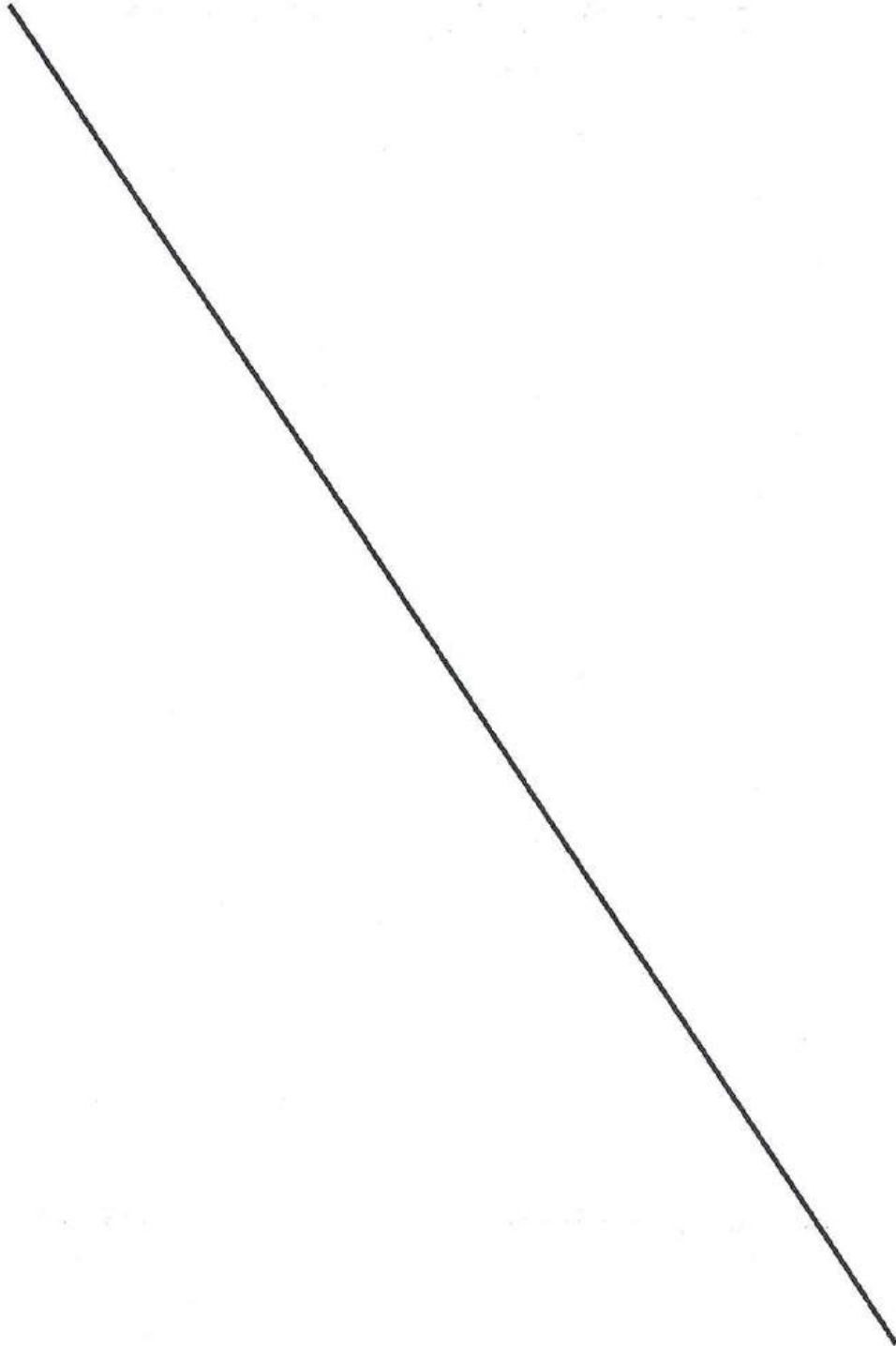
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8552.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy đo độ nhớt**

Kiểu (Type) : **NDJ-1C** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **N2601458**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Nhiệt độ: Max 300 °C/0,1 °C**

Tốc độ vòng quay: Max 100 vòng/phút

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG

Địa chỉ: 526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh;

Độ không đảm bảo đo $U = 0,2$ °C

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **04 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.8552.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C
50	50,2
100	100,5
150	150,4
200	200,8
250	251,1
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0

2. Tốc độ vòng quay

Giá trị đặt (vòng/phút)	Giá trị đo được (vòng/phút)
20	20,2
30	30,4
40	40,3
50	50,3
60	60,4
70	70,5
80	80,4
90	90,6
100	100,5

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.8553.26

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ hần lún vệt bánh xe**

Kiểu (Type): TA-620

Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 260301

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): 22 TCN 332:06; ASTM D1883; AASHTO T99

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG

Địa chỉ (Address): 526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4 - 14

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.03-05

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration)

04 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

Trần Đình Loan

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8553.26

TT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Description	Giá trị danh nghĩa/ Nominal values	Giá trị đo được/ Measured values
01	Phạm vi phát hiện dịch chuyển: 0 ~ 25 mm	10 mm	10,002 mm
02	Phạm vi kiểm soát nhiệt độ: 30 ~ 80 °C	50 °C	50,3 °C
03	Tốc độ mài: 42-50-53 lần/ phút	42 lần/phút	42,5 lần/phút
		50 lần/phút	50,5 lần/phút
		53 lần/phút	54 lần/phút

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8554.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Bộ thí nghiệm lực cắt tĩnh bentonite**

Kiểu (Type) : **MK-QL** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **3028**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Theo tiêu chuẩn TCVN 11893 : 2017**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG

Địa chỉ (Address): **526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Thước cặp điện tử**

Kết quả (Results) : Ống cắt rỗng: Đường kính: $\varnothing 36,04$ mm; Chiều dài: 89,05 mm
Kích thước cốt mẫu: $(100 \times 100 \times 220) \pm 0,15$ mm
Điều kiện môi trường: Nhiệt độ: 23 °C Độ ẩm: <70 %RH

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **04 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

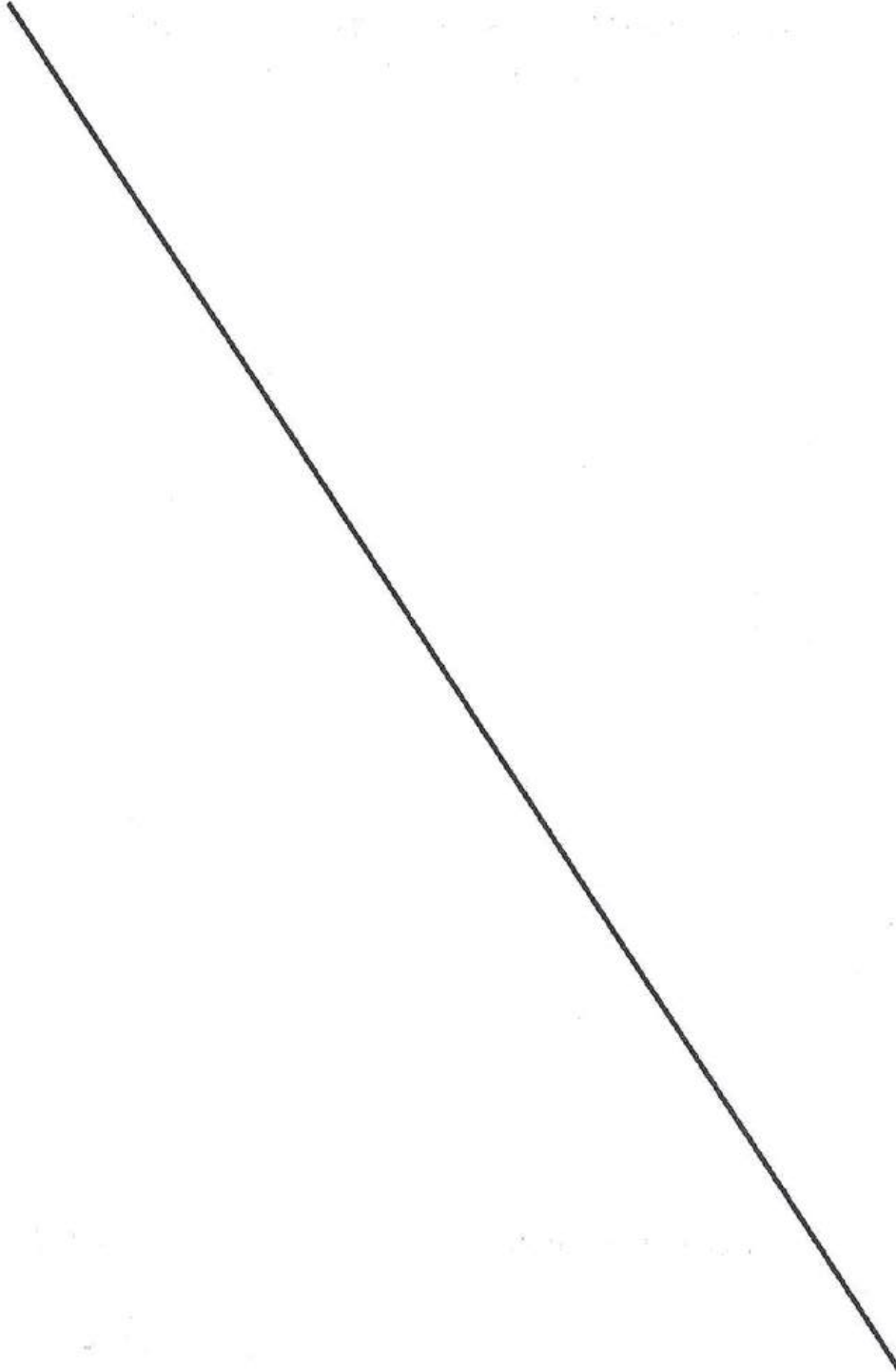

Trần Đình Loan

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, báo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam.
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8555.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường**

Kiểu (Type) : **WSY-010** Số (Serial №)/Mã QL (Tag №): **7050**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Nhiệt độ giới hạn: -30 °C**

Độ phân giải (Resolution): 0,1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG

Địa chỉ (Address): 526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh;

Độ không đảm bảo đo $U = 0,2$ °C

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **04 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

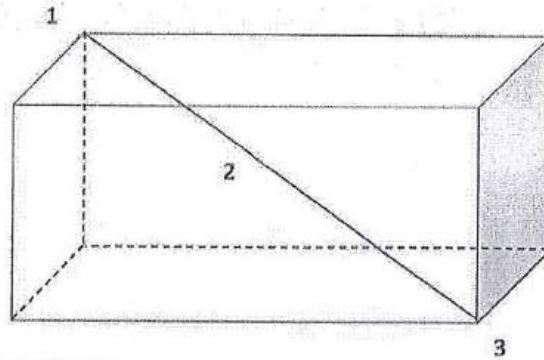
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.8555.26



Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
0	0,2	0,3	0,2
10	10,2	10,4	10,3
15	15,3	15,5	15,4
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (№): 26H 1657/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo áp suất thiết bị đo chiều dày áo sét Bentonite

Kiểu (Type): ZNS-2A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 271094

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0÷1.6) Mpa

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**

Địa chỉ (Address): 526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 76:2001
Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.05 - Dụng cụ chuẩn kiểu áp suất hiện số
Phạm vi đo: (0÷700) bar
Độ chính xác: ±0.05%FS, độ phân giải chỉ thị 0.01 bar,
Được liên kết chuẩn với Tổng cục TCĐLCL

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 04 – 03 – 2027

Hà Nội, Ngày 04 tháng 03 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of Technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 26H 1657/MB.CN

TT	Giá trị chỉ thị (Mpa)	Giá trị đo được (Mpa)
1	0.0	0.00
2	0.3	0.299
3	0.5	0.498
4	0.8	0.798
5	1.0	0.997
6	1.2	1.197
7	1.4	1.396
8	1.5	1.496

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1.0 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1.0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 26H 1658/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Tủ sấy chân không

Kiểu (Type): DZF-6020AB Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 24071302

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (10-200) °C
Độ phân giải 1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**

Địa chỉ (Address): 526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$

Kết quả (Results):

Giá trị hiển thị (°C)	50.00	100.00	150.00	180.00
Giá trị chuẩn (°C)	50.10	99.90	149.80	1790.60

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 04 – 03 – 2027
Hà Nội, Ngày 04 tháng 03 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (№): 26H 1659/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Bộ chung cất mẫu

Kiểu (Type): SYD-0615-1 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): ZZ0061512402010

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-550) °C

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**

Địa chỉ (Address): 526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	50.00	100.00	150.00	200.00	20.00	300.00	350.00	400.00
Giá trị hiển thị (°C)	49.80	100.20	149.50	199.30	249.40	299.30	249.80	399.00

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(26 \pm 2)^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 04 – 03 – 2027
Hà Nội, Ngày 04 tháng 03 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

Hoàng Tiến Dũng



PGĐ. Cao Văn Hùng





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8587.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Bộ đo và điều khiển nhiệt độ
- Máy thí nghiệm nhớt tuyệt đối**

Kiểu (Type): **WSY-080** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **7159**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max 100 °C**
Độ phân giải (Resolution): **0,01°C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG

Địa chỉ (Address): **526 đường Điện Biên Phủ, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh

Độ không đảm bảo đo $U = 0,2$ °C

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **04 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC
(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8587.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C
40	40,07
60	60,03
80	80,10
100	100,21
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0

IMC

Trang: 2/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0074 /MKN/2026

Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**
Object:

Kiểu: **YES300** Số/Mã QL: **162211**
Type: Serial No./ Tag No.:

Nơi sản xuất: **China** Năm: **2016**
Manufacturer: Year:

Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**
Specifications: Accuracy class:

- Phạm vi đo: **(0 ÷ 300) kN** - Giá trị độ chia: **0,01 kN**
Range: Actual scale interval:

Nơi sử dụng: **526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh**
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
User:

Phương pháp thực hiện: **DLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình**
Method of verification: **kiểm định**

Chế độ kiểm định: **Ban đầu**
Type of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:

Số tem kiểm định: **65A 13964**
Verification stamp N^o:

Thời hạn đến: (*) **08-4-2027**
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân



Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

0074 /MKN/2026

- Phương kiểm định:
Direction of verification:

Nén
Compression

Phạm vi đo (Range) : (0 ÷ 300) kN

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,000	/
60,00	59,687	0,52
120,00	119,524	0,40
180,00	178,615	0,78
240,00	238,356	0,69
300,00	297,706	0,77

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0075 /MKN/2026

Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**
Object:
Kiểu: **TYA-2000** Số/Mã QL: **2209072**
Type: Serial No./ Tag No.:
Nơi sản xuất: **China** Năm: **2022**
Manufacturer: Year:
Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**
Specifications: Accuracy class:
- Phạm vi đo: **(0 ÷ 2000) kN** - Giá trị độ chia: **0,01 kN (0 ÷ 999,99) kN**
Range: Actual scale interval: **0,1 kN (1000 ÷ 2000) kN**
Nơi sử dụng: **526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh**
Place:
Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
User:
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình**
Method of verification: **kiểm định**
Chế độ kiểm định: **Ban đầu**
Type of verification:
Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:
Số tem kiểm định: **65A 13975**
Verification stamp N^o:
Thời hạn đến: (*) **08-4-2027**
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân

K.T. GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU NGHỊ



Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số: 0075 /MKN/2026

- Phương kiểm định:
Direction of verification:

Nén
Compression

Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2000) kN

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,00	/
400,00	400,48	-0,12
800,00	800,20	-0,02
1200,0	1200,76	-0,06
1600,0	1600,72	-0,04
2000,0	2002,32	-0,12

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0076 /MKN/2026

Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**
Object:
Kiểu: **TYA-2000** Số/Mã QL: **230520**
Type: Serial No./ Tag No.:
Nơi sản xuất: **China** Năm: **2023**
Manufacturer: Year:
Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**
Specifications: Accuracy class:
- Phạm vi đo: **(0 ÷ 2000) kN** - Giá trị độ chia: **0,01 kN (0 ÷ 999,99) kN**
Range: Actual scale interval: **0,1 kN (1000 ÷ 2000) kN**
Nơi sử dụng: **phường Tam Long, Tp. Hồ Chí Minh**
Place:
Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
User: **526 điện biên phủ, phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh**
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình**
Method of verification: **kiểm định**
Chế độ kiểm định: **Ban đầu**
Type of verification:
Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:
Số tem kiểm định: **65A 13955**
Verification stamp N°:
Thời hạn đến: (*) **08-4-2027**
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by


Nguyễn Văn Luân

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Director




Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số (N°): 0076 /MKN/2026

- Phương kiểm định:
Direction of verification:

Nén
Compression

Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2000) kN

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,00	/
400,00	398,60	0,35
800,00	801,76	-0,22
1200,0	1207,45	-0,62
1600,0	1606,36	-0,40
2000,0	2006,17	-0,31

g

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0078 /MKN/2026

Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN**
Object:
Kiểu: **WE-600B** Số/Mã QL: **902204**
Type: Serial No./ Tag No.:
Nơi sản xuất: **China** Năm: **2009**
Manufacturer: Year:
Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**
Specifications: Accuracy class:
- Thang đo 1 (Range 1): (0 ÷ 120) kN Giá trị độ chia (Actual scale interval): 0,4 kN
- Thang đo 2 (Range 2): (0 ÷ 300) kN Giá trị độ chia (Actual scale interval): 1 kN
- Thang đo 3 (Range 3): (0 ÷ 600) kN Giá trị độ chia (Actual scale interval): 2 kN
Nơi sử dụng: **526 điện biên phủ, phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh**
Place:
Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
User:
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình**
Method of verification: **kiểm định**
Chế độ kiểm định: **Ban đầu**
Type of verification:
Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:
Số tem kiểm định: **65A 13130**
Verification stamp N^o:
Thời hạn đến: (*) **08-4-2027**
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân

K.S. GIÁM ĐỐC

Director

HỒ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số (N^o): 0078 /MKN/2026

- Phương kiểm định:

Nén

Direction of verification:

Compression

Thang đo 1 (Range 1): (0 ÷ 120) kN

Giá trị chỉ thị <i>Indication value</i> kN	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i> kN	Sai số tương đối <i>Relative Error</i> %
0,0	0,000	/
20,0	20,141	-0,70
40,0	40,251	-0,62
60,0	60,080	-0,13
90,0	90,884	-0,97
120,0	121,020	-0,84

Thang đo 2 (Range 2): (0 ÷ 300) kN

Giá trị chỉ thị <i>Indication value</i> kN	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i> kN	Sai số tương đối <i>Relative Error</i> %
0	0,000	/
60	60,469	-0,78
120	120,790	-0,65
180	181,510	-0,83
240	241,741	-0,72
300	301,934	-0,64

Thang đo 3 (Range 3): (0 ÷ 600) kN

Giá trị chỉ thị <i>Indication value</i> kN	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i> kN	Sai số tương đối <i>Relative Error</i> %
0	0,00	/
120	120,77	-0,64
240	241,42	-0,59
360	362,41	-0,66
480	482,38	-0,49
600	602,88	-0,48

#

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0032 /DTD/2026

Tên đối tượng: MÁY ĐO ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT

Object:

Kiểu: 4105A

Type:

Số/Mã QL: E8101828

Serial No./ Tag No.:

Nơi sản xuất: KYORITSU - Thái Lan

Manufacturer:

Năm: Không rõ

Year:

Đặc tính kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- Phạm vi đo: (0 ÷ 1999) Ω

Range:

Nơi sử dụng: 526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh

Place:

Người/Đơn vị sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG

User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 143: 2019 Phương tiện đo điện trở tiếp đất - Quy trình
kiểm định

Chế độ kiểm định: Ban đầu

Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định: 65A 13997

Verification stamp N^o:

Thời hạn đến: (*) 08-4-2027

Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by



Nguyễn Văn Luân

K. GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số (N^o): 0032 /DTD/2026

Đặc tính đo lường (Specifications):

Thang đo <i>Level</i>	Phạm vi đo <i>Range</i>	Sai số cho phép của nhà sản xuất <i>Manufacturer's allowable deviation</i>
20 Ω	(0,00 ÷ 19,99) Ω	± 2 % giá trị đọc ± 0,1 Ω
200 Ω	(0,0 ÷ 199,9) Ω	± 2 % giá trị đọc ± 3 dgt (lớn hơn 20 Ω)
2000 Ω	(0 ÷ 1999) Ω	

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0502 /APK/2026

Tên đối tượng: **ÁP KẾ LÒ XO**
Object:

Kiểu: **Lò xo ống** Số/Mã QL: **23106192423**
Type: Serial No./ Tag No.:

Nơi sản xuất: **China** Năm: **Không rõ**
Manufacturer: Year:

Đặc tính kỹ thuật đo lường:
Specifications:

- Phạm vi đo: **(0 ÷ 600) bar ≈ (0 ÷ 60) MPa**
Range:

- Giá trị độ chia: **10 bar ≈ 1 MPa** - Độ chính xác: **2,5 %FS**
Actual scale interval: Accuracy:

Nơi sử dụng: **526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh**
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
User:

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định**
Method of verification:

Chế độ kiểm định: **Ban đầu**
Type of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:

Số tem kiểm định: **65A 13986**
Verification stamp N^o:

Thời hạn đến: (*) **08-4-2027**
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Lâm Quốc Dương

GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC

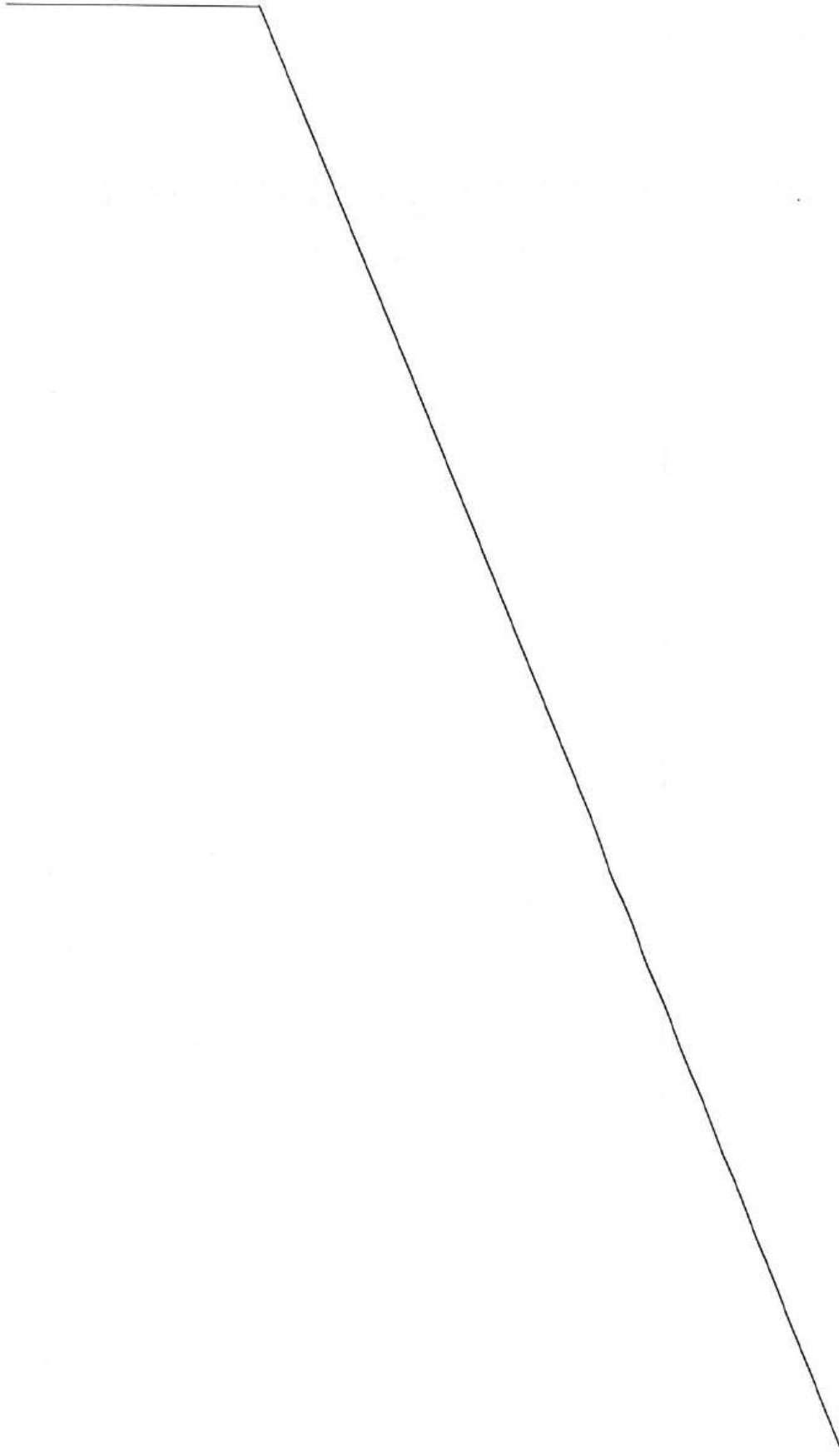


Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0503 /APK/2026

Tên đối tượng: **ÁP KẾ LÒ XO**
Object:

Kiểu: **Lò xo ống** Số/Mã QL: **13953A**
Type: Serial No./ Tag No.:

Nơi sản xuất: **China** Năm: **Không rõ**
Manufacturer: Year:

Đặc tính kỹ thuật đo lường:
Specifications:

- Phạm vi đo: **(0 ÷ 689) bar ≈ (0 ÷ 10000) psi**
Range:

- Giá trị độ chia: **137,89 bar ≈ 2000 psi** - Độ chính xác: **2,5 %FS**
Actual scale interval: Accuracy:

Nơi sử dụng: **526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh**
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
User:

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định**
Method of verification:

Chế độ kiểm định: **Ban đầu**
Type of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:

Số tem kiểm định: **65A 13953**
Verification stamp N^o:

Thời hạn đến: (*) **08-4-2027**
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Lâm Quốc Dương

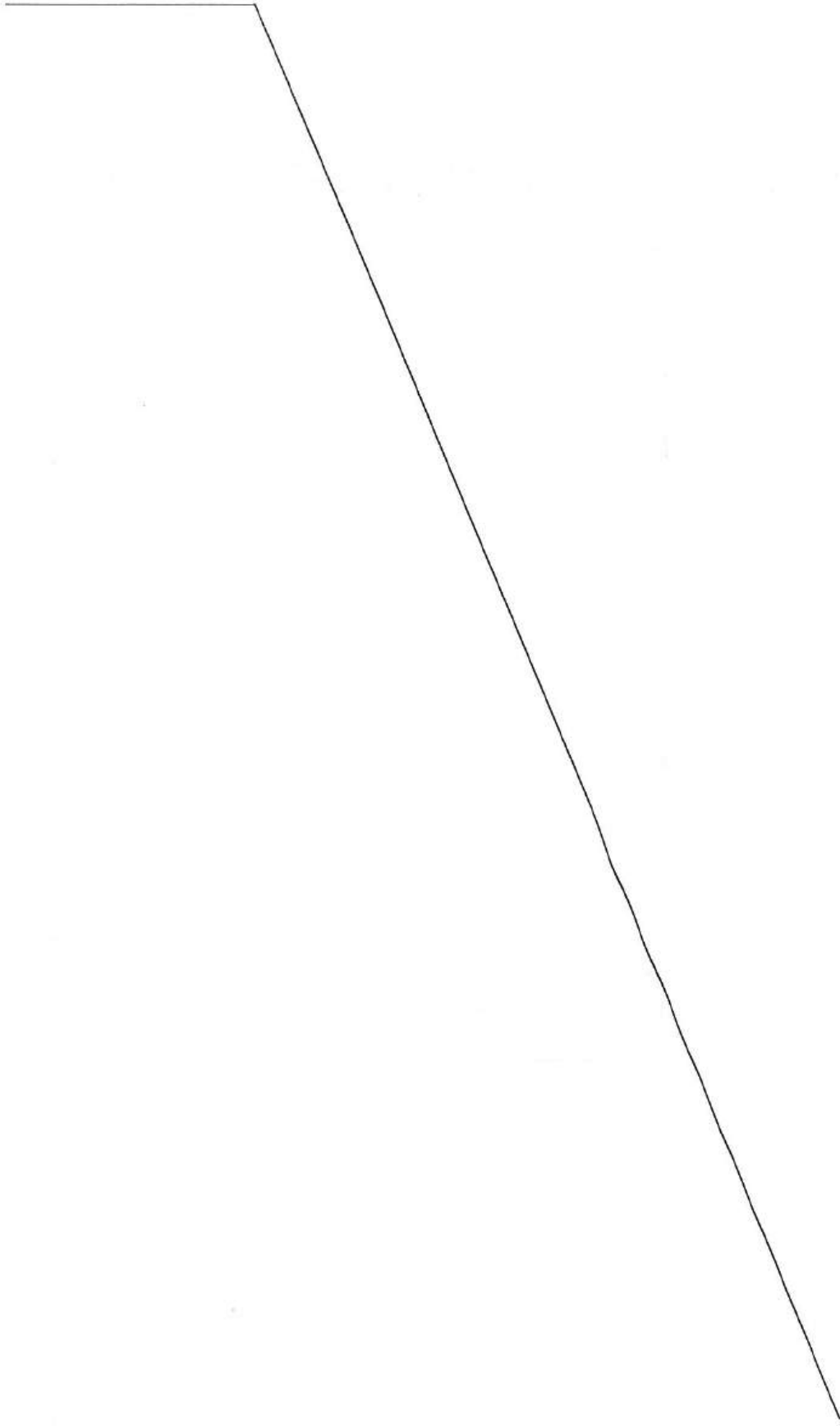
K.F. **GIÁM ĐỐC**
Director **NGUYỄN HỮU NGHỊ**

Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0504 /APK/2026

Tên đối tượng: **ÁP KẾ LÒ XO**
Object:

Kiểu: **Lò xo ống** Số/Mã QL: **13954A**
Type: Serial No./ Tag No.:

Nơi sản xuất: **China** Năm: **Không rõ**
Manufacturer: Year:

Đặc tính kỹ thuật đo lường:
Specifications:

- Phạm vi đo: **(0 ÷ 689) bar ≈ (0 ÷ 10000) psi**
Range:

- Giá trị độ chia: **137,89 bar ≈ 2000 psi** - Độ chính xác: **2,5 %FS**
Actual scale interval: Accuracy:

Nơi sử dụng: **526 đường Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh**
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
User:

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định**
Method of verification:

Chế độ kiểm định: **Ban đầu**
Type of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:

Số tem kiểm định: **65A 13954**
Verification stamp N^o:

Thời hạn đến: (*) **08-4-2027**
Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Lâm Quốc Dương

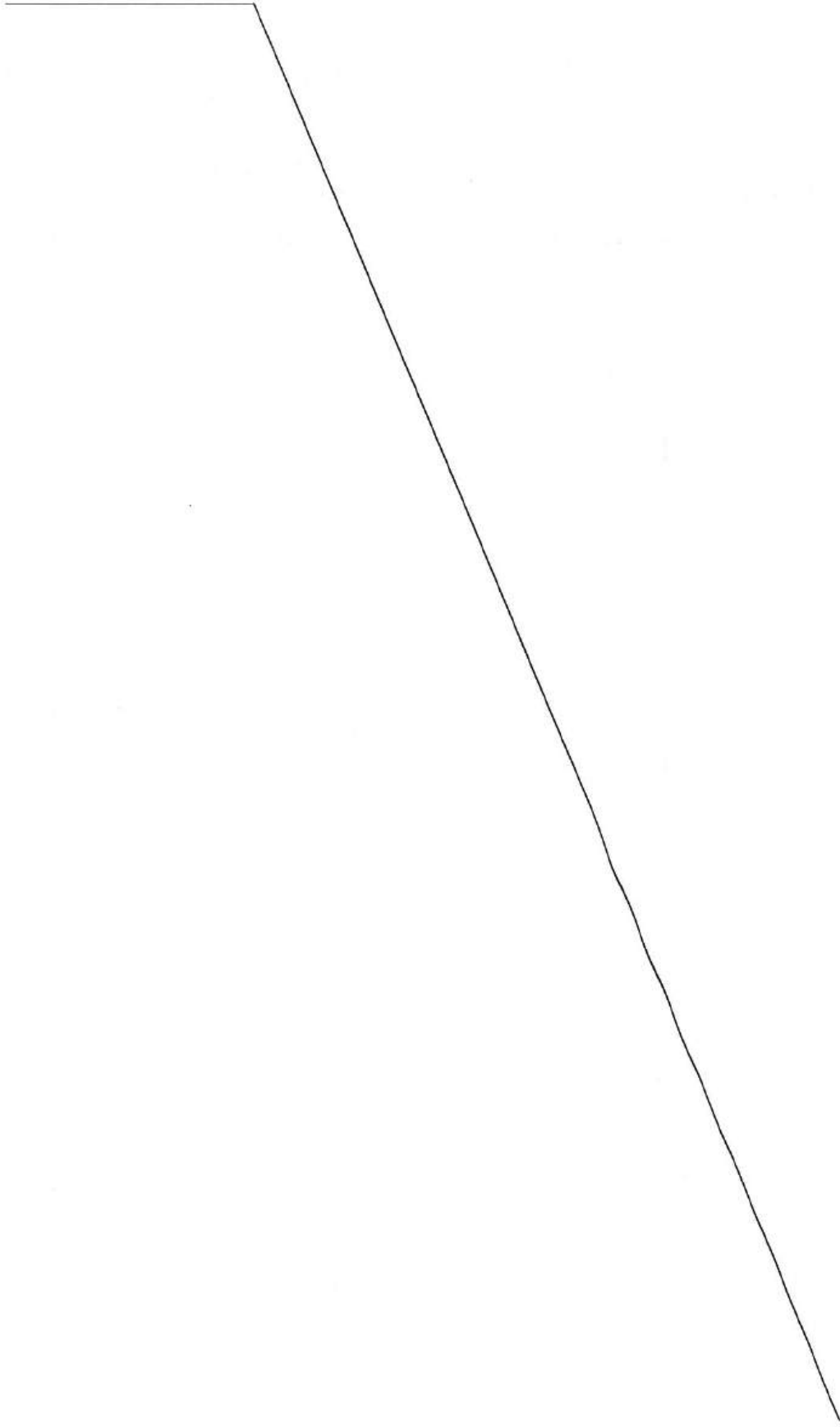


(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 03/KTKT/26

**KẾT QUẢ KIỂM TRA
TEST RESULTS**


Trang/ Page: 01/01


- Tên phương tiện đo/ Object: **: MÁY SIÊU ÂM BÊ TÔNG**
- Kiểu/ Type: **: Không rõ/ Unidentified**
- Số hiệu/ Serial No: **: 19.1454**
- Số nhận dạng/ Identified No: **: Không rõ/ Unidentified**
- Nơi sản xuất/ Manufacture: **: TICO**
- Năm sản xuất / Year: **: Không rõ/ Unidentified**
- Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:
- Phạm vi đo/ Range: **: (15÷6550) μm**
- Cơ sở sử dụng/ Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
- Nơi thực hiện/ Place of testing:
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
- Phương pháp thực hiện/ Method of testing: **: Đánh giá kiểm tra trực tiếp**
- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions: **: (23±3)^oC ; (60±10)%RH**
- Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment: **: Có/ Yes: Không/ No:**
- Ngày thực hiện/ Date of testing: **: 09/04/2026**
- Tem số/ Stamp N^o: **: 03/KTKT/26**
- Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo/ measuring date should be recommended: **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT.GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)


Huỳnh Quốc Vương


Trương Văn Thuỳ

Không được sao chép rời khi kết quả thử nghiệm có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận
(This testing results shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 15/HCAS/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT (MÁY THỬ THẨM BÊ TÔNG)
2. Kiểu/ Type : MC
3. Số hiệu/ Serial No : 05564
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất / Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Range : (0 ÷ 4) MPa
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,05 MPa
8. Cơ sở sử dụng/ Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 76:2001
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (23±3)^oC ; (60±10)%RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.09	Áp kế chuẩn/ Standard Pressure Gage (DPI104)	TTĐL
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment	: Có/ Yes: <input type="checkbox"/>	Không/ No: <input checked="" type="checkbox"/>
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration	: 09/04/2026	
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label	: 01689	
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended	: 09/04/2027	

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT.GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Huỳnh Quốc Vương

Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Giá trị chuẩn Standard value MPa	Giá trị chỉ thị Indication value MPa		Độ không đảm bảo đo Uncertainty MPa
	Ptăng Rising MPa	Pgiảm Falling MPa	
0,000	0,00	0,00	0,07
1,001	1,00	1,00	0,07
2,003	2,00	2,00	0,07
3,001	3,01	3,01	0,07
4,002	4,02	4,02	0,07

Ghi chú/ Notes:

- Cấp chính xác/ Class: 1,0
- Sai số cho phép trên toàn thang/ Permissible Errors of full scale: $\pm 0,04$ Mpa
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor=2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 14/HCAS/26 **GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN** Trang/ Page: 01/02
CALIBRATION CERTIFICATE

1. Tên phương tiện đo/ Object : ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT (MÁY THỬ THẨM BÊ TÔNG)
 2. Kiểu/ Type : HP-4.0
 3. Số hiệu/ Serial No : 240552
 4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
 5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
 6. Năm sản xuất / Year : Không rõ/ Unidentified
 7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Range : (0 ÷ 2) MPa
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 MPa
 8. Cơ sở sử dụng/ Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
 9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
 10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 76:2001
 11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (23±3)^oC ; (60±10)%RH
 12. Chuẩn sử dụng/ Standards used:
- | Mã số/ ID | Thiết bị/ Equipment | Liên kết chuẩn/ Traceability |
|--|--|--|
| TB.09 | Áp kế chuẩn/ Standard Pressure Gage (DPII04) | TTĐL |
| 13. Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment | : Có/ Yes: <input type="checkbox"/> | Không/ No: <input checked="" type="checkbox"/> |
| 14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration | : 09/04/2026 | |
| 15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label | : 01684 | |
| 16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended | : 09/04/2027 | |

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT.GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Huỳnh Quốc Vương

Trương Văn Thuỳên

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Giá trị chuẩn Standard value MPa	Giá trị chỉ thị Indication value MPa		Độ không đảm bảo đo Uncertainty MPa
	Ptăng Rising MPa	Pgiảm Falling MPa	
0,000	0,00	0,00	0,01
0,500	0,50	0,50	0,01
1,002	1,00	1,00	0,01
1,501	1,50	1,50	0,01
2,001	2,00	2,01	0,01

Ghi chú/ Notes:

- Cấp chính xác/ Class: 1,0
- Sai số cho phép trên toàn thang/ Permissible Errors of full scale: $\pm 0,02$ Mpa
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor=2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY MEASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 328/HCN/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **NHIỆT KẾ
(THIẾT BỊ XÁC ĐỊNH ĐIỂM CHỚP CHÁY)**
2. Kiểu/ Type : Không rõ/ Unidentified
3. Số hiệu/ Serial No : GB514
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufactur : Không rõ/ Unidentified
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Phạm vi nhiệt độ/ Range : Đến 400^oC
 - Độ phân giải/ Resolution : 2^oC
8. Cơ sở sử dụng/ Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration: **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 137:2004
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (23±2)^oC ; (65±10) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used:
- | Mã số/ ID | Thiết bị/ Equipment | Liên kết chuẩn/ Traceability |
|-----------|------------------------------------|------------------------------|
| TB.23 | PRT, Pt100 | SMEQ |
| TB.24 | Bể nhiệt chuẩn/ Standard heat Bath | ĐLCT |
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01681
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Calibration Laboratory)

Huỳnh Quốc Vương



KT. GIÁM ĐỐC
(Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuyền

* Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Giá trị chuẩn/ Standard value °C	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on the object °C	Số hiệu chỉnh/ Correction °C	Độ không đảm bảo đo/ Uncertainty °C
0,1	0	0	1,5
200,01	100	0	1,5
300,01	300	0	1,5

Ghi chú/ Notes:

* Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor=2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

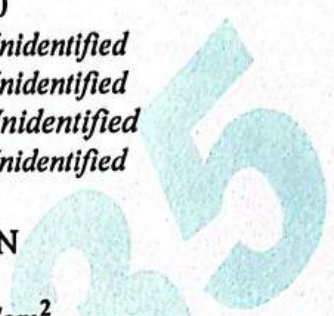
Số/ N^o: 16/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **KÍCH THỦY LỰC VÀ ĐỒNG HỒ ĐO ÁP SUẤT /
HYDRAULIC CYLINDERS AND PRESSURE GAUGE**
2. Kiểu/ Type : FCY-100100
3. Số hiệu/ Serial No : Không rõ/ Unidentified
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Không rõ/ Unidentified
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 1000) kN
 - Đồng hồ đo áp suất/ Pressure gauge :
 - + Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 700) kg/cm²
 - + Giá trị vạch chia/ Division : 10 kg/cm²
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002 – Quy trình Hiệu chuẩn
Phương tiện đo lực
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.32	Load Cell	VMI
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03257
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

Huỳnh Quốc Vương



PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (kg/cm ²)	Giá trị tính toán/ Calculated value (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal. device (kN)	Độ lệch nội suy tương đối/ Relative interpolation error (%)
50	70,242	70,560	+0,45
100	139,687	139,130	-0,40
150	209,132	210,990	+0,89
200	278,577	277,610	-0,35
250	348,022	347,890	-0,04
300	417,467	420,020	+0,61
400	556,357	553,010	-0,60
500	695,247	695,970	+0,10
600	834,137	834,440	+0,04

* Phương trình hiệu chuẩn/ The calibration equation :

$$y = 1,3889x + 0,797$$

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 0,55\%$ giá trị tính toán/ Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 0,55\%$ calculated value

y: Giá trị tính toán/ Calculated value, kN

x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value, kg/cm².

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 15/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **KÍCH THỦY LỰC VÀ ĐỒNG HỒ ĐO ÁP SUẤT /
HYDRAULIC CYLINDERS AND PRESSURE GAUGE**
2. Kiểu/ Type : Kích tay
3. Số hiệu/ Serial No : Không rõ/ Unidentified
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Không rõ/ Unidentified
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 200) kN
 - Đồng hồ đo áp suất/ Pressure gauge :
 - + Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 700) kg/cm²
 - + Giá trị vạch chia/ Division : 10 kg/cm²
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002 – Quy trình Hiệu chuẩn
Phương tiện đo lực
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.32	Load Cell	VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03256
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

Huỳnh Quốc Vương



Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY MEASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 14/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **KÍCH THỦY LỰC VÀ ĐỒNG HỒ ĐO ÁP SUẤT /
HYDRAULIC CYLINDERS AND PRESSURE GAUGE**
2. Kiểu/ Type : Kích tay
3. Số hiệu/ Serial No : 24
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : BISION TOOL
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 320) kN
 - Đồng hồ đo áp suất/ Pressure gauge :
 - + Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 60) MPa
 - + Giá trị vạch chia/ Division : 1 MPa
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
- CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002 – Quy trình Hiệu chuẩn
Phương tiện đo lực
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID

Thiết bị/ Equipment

Liên kết chuẩn/ Traceability

TB.32

Load Cell

VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:

14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026

15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03255

16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026

(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Deputy Director)

Huỳnh Quốc Vương



Trương Văn Thuỳên

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Measurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (MPa)	Giá trị tính toán/ Calculated value (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal. device (kN)	Độ lệch nội suy tương đối/ Relative interpolation error (%)
10	26,667	26,550	-0,44
15	40,441	40,188	-0,63
20	54,215	54,182	-0,06
25	67,989	67,646	-0,50
30	81,763	81,230	-0,65
35	95,537	94,689	-0,89
40	109,311	109,364	+0,05
45	123,085	123,504	+0,34
50	136,859	137,647	+0,58

* Phương trình hiệu chuẩn/ The calibration equation :

$$y = 2,7548x - 0,880$$

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 0,78 \%$ giá trị tính toán/ Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 0,78 \%$ calculated value

y: Giá trị tính toán/ Calculated value, kN

x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value, MPa.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 13/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **PHƯƠNG TIỆN ĐO LỰC
(MÁY THỬ NGHIỆM MARSHALL)**
2. Kiểu/ Type : **FY-3A**
3. Số hiệu/ Serial No : **250860**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **2025**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 + 50) kN**
 - Độ phân giải/ Resolution : **0,01 kN**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 108 : 2002 – Quy trình Hiệu chuẩn
Phương tiện đo lực**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 2) °C**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.31	Load Cell	VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01690**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Huỳnh Quốc Vương

Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal.device (kN)	Sai số tương đối/ Relative error (%)
5,00	4,994	0,13
10,00	9,990	0,10
15,00	14,974	0,18
20,00	19,978	0,11
25,00	24,967	0,13
30,00	29,950	0,17
35,00	34,942	0,17
40,00	39,920	0,20
45,00	44,934	0,15

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 0,54 \%$ giá trị đọc/ *Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 0,54 \%$ reading value.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ *This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ *This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 12/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ *Object* : **PHƯƠNG TIỆN ĐO LỰC
(MÁY THỬ NGHIỆM CBR)**
2. Kiểu/ *Type* : CBR-III
3. Số hiệu/ *Serial No* : 2409031
4. Số nhận dạng/ *Identified No* : Không rõ/ *Unidentified*
5. Nơi sản xuất/ *Manufacture* : Trung Quốc/ *China*
6. Năm sản xuất/ *Year* : 2024
7. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification* :
 - Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 50) kN
 - Độ phân giải/ *Resolution* : 0,001 kN
8. Cơ sở sử dụng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration* :
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of calibration* : ĐLVN 108 : 2002 – Quy trình Hiệu chuẩn
Phương tiện đo lực
11. Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ *Standards used* :

Mã số/ <i>ID</i>	Thiết bị/ <i>Equipment</i>	Liên kết chuẩn/ <i>Traceability</i>
TB.31	Load Cell	VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Có/ *Yes*: Không/ *No*:
14. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : 03197
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ *Recalibration recommended* : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Huỳnh Quốc Vương

Trương Văn Thuận



- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ *The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ *This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.*

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal.device (kN)	Sai số tương đối/ Relative error (%)
5,000	5,011	-0,22
10,000	10,021	-0,21
15,000	15,010	-0,06
20,000	20,005	-0,02
25,000	25,003	-0,01
30,000	29,990	+0,03
35,000	34,988	+0,04
40,000	39,974	+0,07
45,000	44,982	+0,04

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 0,52\%$ giá trị đọc/ Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 0,52\%$ reading value.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY MEASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 11/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **VÒNG LỰC / LOAD RING**
2. Kiểu/ Type : Không rõ/ Unidentified
3. Số hiệu/ Serial No : A0911
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Không rõ/ Unidentified
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 1,2) kN
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002 – Quy trình Hiệu chuẩn
Phương tiện đo lực
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.31	Load Cell	VMI
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes : Không/ No :
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03196
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Deputy Director)



Huỳnh Quốc Vương

Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Measurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester		Giá trị tính toán/ Calculated value	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal.device	Độ lệch nội suy tương đối/ Relative interpolation error
(mm)	(Vạch)	(kN)	(kN)	(%)
0,25	25	0,110	0,109	-0,47
0,50	50	0,227	0,225	-0,65
0,75	75	0,344	0,341	-0,70
1,00	100	0,461	0,456	-0,95
1,25	125	0,578	0,572	-0,92
1,50	150	0,695	0,692	-0,33
1,75	175	0,812	0,815	+0,47
2,00	200	0,929	0,933	+0,52

* Phương trình hiệu chuẩn/ The calibration equation :

$$y = 0,4678x - 0,0071$$

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 1,63 \%$ giá trị tính toán/ Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 1,63 \%$ calculated value

y: Giá trị tính toán / Calculated value, kN

x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value, mm.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 10/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN/
COMPRESS TESTING MACHINES**
2. Kiểu/ Type : ARG-100
3. Số hiệu/ Serial No : 202308021
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Việt Nam/ Vietnam
6. Năm sản xuất/ Year : 2023
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 100) KN
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,1 KN
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002 – Quy trình Hiệu chuẩn
Phương tiện đo lực
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.31	Load Cell	VMI
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes : Không/ No :
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03195
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

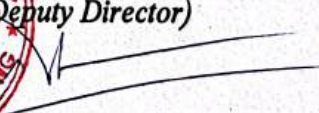
Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)


Huỳnh Quốc Vương


Trương Văn Thuần



- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal. device (kN)	Sai số tương đối/ Relative error (%)
10,0	10,032	-0,32
20,0	20,079	-0,39
30,0	30,136	-0,45
40,0	40,155	-0,39
50,0	50,246	-0,49
60,0	60,301	-0,50
70,0	70,332	-0,47
80,0	80,314	-0,39
90,0	90,339	-0,37

Ghi chú/ Note:

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 0,73$ % giá trị đọc/ *Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 0,73$ % reading value.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ *This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ *This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 09/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY THỬ ĐỘ BÈN NÉN/
COMPRESS TESTING MACHINES**
2. Kiểu/ Type : ARG-50
3. Số hiệu/ Serial No : 150621-01
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Việt Nam/ Vietnam
6. Năm sản xuất/ Year : 2021
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 50) KN
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,1 KN
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002 – Quy trình Hiệu chuẩn
Phương tiện đo lực
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :
- | Mã số/ ID | Thiết bị/ Equipment | Liên kết chuẩn/ Traceability |
|-----------|---------------------|------------------------------|
| TB.31 | Load Cell | VMI |
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes : Không/ No :
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03194
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

Huỳnh Quốc Vương



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal.device (kN)	Sai số tương đối/ Relative error (%)
5,0	5,013	-0,25
10,0	10,012	-0,12
15,0	15,025	-0,16
20,0	20,037	-0,18
25,0	25,042	-0,17
30,0	30,055	-0,18
35,0	35,060	-0,17
40,0	40,079	-0,20
45,0	45,084	-0,19

Ghi chú/ Note:

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 0,62\%$ giá trị đọc/ *Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 0,62\%$ reading value.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ *This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ *This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 325/HCN/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/03

1. Tên phương tiện đo/ Object : **LÒ NUNG/ FURNACE**
2. Kiểu/ Type : **SX2**
3. Số hiệu/ Serial No : **160717**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **2015**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo nhiệt độ/ Temperature Range : **Max 1200 °C**
 - Độ phân giải/ Resolution : **1 °C**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **QTHC.04 – Quy trình hiệu chuẩn lò nung**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 5) °C ; (60 ± 10) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.23	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ/ K, T, J, S	SMEQ
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **03193**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Department)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Huỳnh Quốc Vương

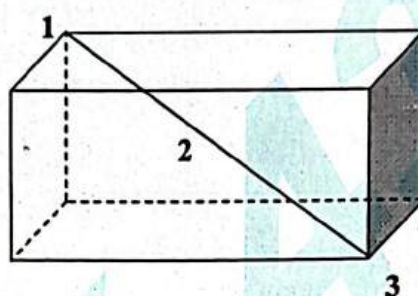
Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Nhiệt độ đặt/ Set temperature °C	Giá trị chỉ thị/ Average Indication Value °C	Giá trị chuẩn/ Refence Value °C	Độ ổn định/ Stability °C	Độ đồng đều/ Uniformity °C	Số hiệu chính(Δt)/ Correction °C	Độ KĐBĐ (U)/ Uncertainty °C
600,0	600,0	606,1	± 1,3	± 1,3	6,1	2,9

Hình vẽ minh họa/ Illustration Figure

**Ghi chú/ Notes:**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy / The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor = 2, which for a normal distribution to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 324/HCN/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **BỂ ĐIỀU NHIỆT/ WATER BATH**
2. Kiểu/ Type : **HHW-2**
3. Số hiệu/ Serial No : **065004**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **2004**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Phạm vi nhiệt độ/ Temperature Range : **(10 ± 100) °C**
 - Độ phân giải/ Resolution : **1 °C**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
- CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **QTHC.03 – Quy trình hiệu chuẩn tủ nhiệt**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 5) °C ; (60 ± 10) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :
- | Mã số/ ID | Thiết bị/ Equipment | Liên kết chuẩn/ Traceability |
|-----------|-------------------------------------|------------------------------|
| TB.23 | Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ/ K, T, J, S | SMEQ |
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **03192**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**


Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Department)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)


Huỳnh Quốc Vương


Trương Văn Thuyền

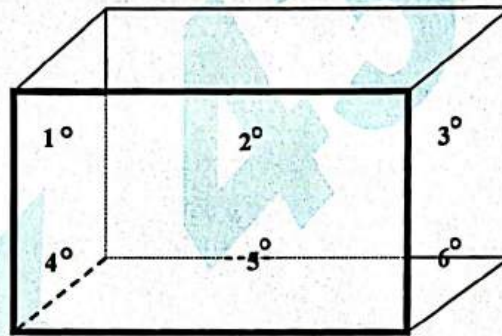


- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Nhiệt độ đặt/ Set temperature °C	Giá trị chỉ thị/ Average Indication Value °C	Giá trị chuẩn/ Reference Value °C	Độ ổn định/ Stability °C	Độ đồng đều/ Uniformity °C	Số hiệu chỉnh(Δt)/ Correction °C	Độ KĐBĐ (U)/ Uncertainty °C
50,0	50,0	51,7	± 0,4	± 0,5	1,7	2,2

Hình vẽ minh họa/ Illustration Figure

**Ghi chú/ Notes:**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor $= 2$, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 323/HCN/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/03

1. Tên phương tiện đo/ Object : **TỦ SẤY/ DRY OVEN**
2. Kiểu/ Type : 101-2
3. Số hiệu/ Serial No : 11170
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo nhiệt độ/ Temperature Range : (10+300) °C
 - Độ phân giải/ Resolution : 10 °C
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.03 – Quy trình hiệu chuẩn tủ nhiệt
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 5) °C ; (60 ± 10) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.23	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ/ K, T, J, S	SMEQ
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03191
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Department)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Huỳnh Quốc Vương



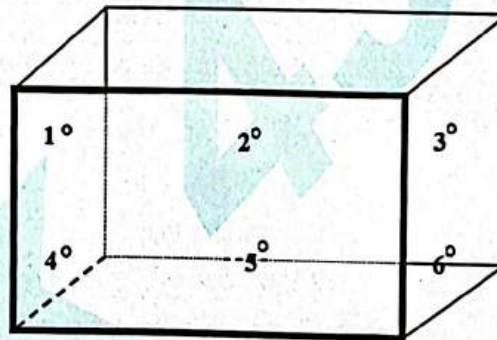
Trương Văn Thuỳên

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Nhiệt độ đặt/ Set temperature °C	Giá trị chỉ thị/ Average Indication Value °C	Giá trị chuẩn/ Reference Value °C	Độ ổn định/ Stability °C	Độ đồng đều/ Uniformity °C	Số hiệu chính(Δt)/ Correction °C	Độ KĐBĐ (U)/ Uncertainty °C
100,0	100,0	98,1	± 0,3	± 0,5	-1,9	6,2
150,0	150,0	148,6	± 0,3	± 0,3	-1,5	6,1

Hình vẽ minh họa/ Illustration Figure

**Ghi chú/ Notes:**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy / The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor = 2, which for a normal distribution to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 322/HCN/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/03

1. Tên phương tiện đo/ Object : **TỦ SẤY/ DRY OVEN**
2. Kiểu/ Type : 101-1A
3. Số hiệu/ Serial No : 23768
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo nhiệt độ/ Temperature Range : (10+300) °C
 - Độ phân giải/ Resolution : 1 °C
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.03 – Quy trình hiệu chuẩn tủ nhiệt
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 5) °C ; (60 ± 10) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.23	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ/ K, T, J, S	SMEQ
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03190
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Department)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Huỳnh Quốc Vương



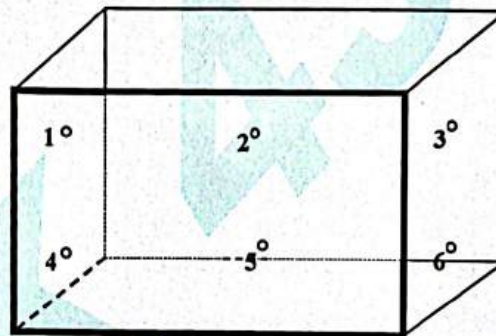
Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reprinted except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Nhiệt độ đặt/ Set temperature °C	Giá trị chỉ thị/ Average Indication Value °C	Giá trị chuẩn/ Reference Value °C	Độ ổn định/ Stability °C	Độ đồng đều/ Uniformity °C	Số hiệu chỉnh(Δt)/ Correction °C	Độ KĐBĐ (U)/ Uncertainty °C
100,0	100,0	99,2	± 0,4	± 0,8	-0,8	1,6
150,0	150,0	151,2	± 0,2	± 0,3	+1,2	1,6

Hình vẽ minh họa/ Illustration Figure

**Ghi chú/ Notes:**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy / The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor = 2, which for a normal distribution to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 160/KĐKL/26

Tên đối tượng/ Object : CÂN KỸ THUẬT

Kiểu/ Type : GS-ALC30

Số/ Serial No : V4172

Nơi sản xuất/ Manufacturer : Đài Loan

Năm/ Year : Không rõ

Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ Specifications :

- Mức cân lớn nhất (Max) : 15 000 g

- Giá trị độ chia (d) : 0,5 g

- Mức cân nhỏ nhất (Min) : 25 g

- Giá trị độ chia kiểm (e) : 1 g

- Cấp chính xác : II

Nơi sử dụng/ Place :

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Người/ Đơn vị sử dụng/ User :

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of verification : ĐLVN 16 : 2021 - Quy trình kiểm định cân phân tích và cân kỹ thuật

Chế độ kiểm định/ Type of verification : Định kỳ

Kết luận/ Conclusion : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định/ Verification stamp N^o : 25A 02696

Thời hạn đến (nếu có)/ Valid until (*) : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Verified by)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Phạm Hải Đăng



Trương Văn Thuyền

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 159/KĐKL/26

Tên đối tượng/ Object : CÂN KỸ THUẬT
Kiểu/ Type : GS-ALC30 Số/ Serial No : 413856223
Nơi sản xuất/ Manufacturer : Nhật Năm/ Year : Không rõ

Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ Specifications :

- Mức cân lớn nhất (Max) : 30 000 g
- Mức cân nhỏ nhất (Min) : 50 g
- Cấp chính xác : II
- Giá trị độ chia (d) : 1 g
- Giá trị độ chia kiểm (e) : 1 g

Nơi sử dụng/ Place : CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Người/ Đơn vị sử dụng/ User : CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of verification : ĐLVN 16 : 2021 - Quy trình kiểm định cân phân tích và cân kỹ thuật

Chế độ kiểm định/ Type of verification : Định kỳ

Kết luận/ Conclusion : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định/ Verification stamp N^o : 25A 02695

Thời hạn đến (nếu có)/ Valid until (*) : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Verified by)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Phạm Hải Đăng



Trương Văn Thuyền

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 158/KĐKL/26

Tên đối tượng/ Object : **CÂN KỸ THUẬT**

Kiểu/ Type : **BC30**

Số/ Serial No : **8025470581**

Nơi sản xuất/ Manufacturer : **Mỹ**

Năm/ Year : **Không rõ**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ Specifications:

- Mức cân lớn nhất (Max) : 30 000 g

- Giá trị độ chia (d) : 1 g

- Mức cân nhỏ nhất (Min) : 50 g

- Giá trị độ chia kiểm (e) : 1 g

- Cấp chính xác : II

Nơi sử dụng/ Place :

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Người/ Đơn vị sử dụng/ User : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**

Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of verification : **ĐLVN 16 : 2021 - Quy trình kiểm định cân phân tích và cân kỹ thuật**

Chế độ kiểm định/ Type of verification : **Định kỳ**

Kết luận/ Conclusion : **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**

Số tem kiểm định/ Verification stamp N^o : **25A 02694**

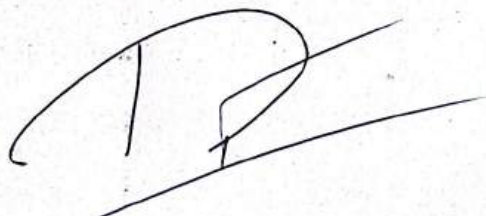
Thời hạn đến (nếu có)/ Valid until (*) : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)


KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Verified by)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)


Phạm Hải Đăng




Trương Văn Thuyền

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 157/KĐKL/26

Tên đối tượng/ Object : CÂN KỸ THUẬT

Kiểu/ Type : R21PE30

Số/ Serial No : 8345204097

Nơi sản xuất/ Manufacturer : Trung Quốc

Năm/ Year : Không rõ

Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ Specifications:

- Mức cân lớn nhất (Max) : 30 000 g
- Mức cân nhỏ nhất (Min) : 50 g
- Cấp chính xác : II
- Giá trị độ chia (d) : 1 g
- Giá trị độ chia kiểm (e) : 1 g

Nơi sử dụng/ Place : CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Người/ Đơn vị sử dụng/ User : CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of verification : ĐLVN 16 : 2021 - Quy trình kiểm định cân phân tích và cân kỹ thuật

Chế độ kiểm định/ Type of verification : Định kỳ

Kết luận/ Conclusion : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định/ Verification stamp N^o : 25A 02693

Thời hạn đến (nếu có)/ Valid until (*) : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Verified by)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Phạm Hải Đăng



Trương Văn Thuyền

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 156/KĐKL/26

Tên đối tượng/ Object : CÂN KỸ THUẬT

Kiểu/ Type : SJ-6202CE

Số/ Serial No : 162342521

Nơi sản xuất/ Manufacturer : Nhật

Năm/ Year : Không rõ

Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ Specifications :

- Mức cân lớn nhất (Max) : 6 200 g
- Mức cân nhỏ nhất (Min) : 0,5 g
- Cấp chính xác : II
- Giá trị độ chia (d) : 0,01 g
- Giá trị độ chia kiểm (e) : 0,1 g

Nơi sử dụng/ Place : CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Người/ Đơn vị sử dụng/ User : CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of verification : ĐLVN 16 : 2021 - Quy trình kiểm định cân phân tích và cân kỹ thuật

Chế độ kiểm định/ Type of verification : Định kỳ

Kết luận/ Conclusion : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định/ Verification stamp N^o : 25A 02692

Thời hạn đến (nếu có)/ Valid until (*) : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Verified by)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Phạm Hải Đăng



Trương Văn Thuyền

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 155/KĐKL/26

Tên đối tượng/ Object : CÂN KỸ THUẬT

Kiểu/ Type : DJ-4000TW

Số/ Serial No : 042005013

Nơi sản xuất/ Manufacturer : Nhật

Năm/ Year : Không rõ

Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ Specifications :

- Mức cân lớn nhất (Max) : 4 000 g
- Mức cân nhỏ nhất (Min) : 0,5 g
- Cấp chính xác : II
- Giá trị độ chia (d) : 0,01 g
- Giá trị độ chia kiểm (e) : 0,1 g

Nơi sử dụng/ Place : CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Người/ Đơn vị sử dụng/ User : CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of verification : ĐLVN 16 : 2021 - Quy trình kiểm định cân phân tích và cân kỹ thuật

Chế độ kiểm định/ Type of verification : Định kỳ

Kết luận/ Conclusion : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định/ Verification stamp N^o : 25A 02691


Thời hạn đến (nếu có)/ Valid until (*) : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)


KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Verified by)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)


Phạm Hải Đăng




Trương Văn Thuyền

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
(With respectfulness of rules of use and maintenance)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 18/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR
2. Kiểu/ Type : Cơ
3. Số hiệu/ Serial No : 2436828
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 75:2001
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01682
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuỳn

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	4 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	4 μm
- 1/2 vòng/ circle	3 μm
- 1 vòng/ circle	-4 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	1 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k=2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N°: 17/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SOI/ DIAL INDICATOR**
2. Kiểu/ Type : **Cơ**
3. Số hiệu/ Serial No : **2872**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **GUOGEN**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 10) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ soi/ Gage tester	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01675**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	3 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-3 μm
- 1/2 vòng/ circle	-4 μm
- 1 vòng/ circle	-3 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 16/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR
2. Kiểu/ Type : Cơ
3. Số hiệu/ Serial No : 2558683
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 75:2001
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01674
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	4 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	3 μm
- 1/2 vòng/ circle	-4 μm
- 1 vòng/ circle	4 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	1 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 15/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SOI/ DIAL INDICATOR**
2. Kiểu/ Type : **Cơ**
3. Số hiệu/ Serial No : **2552850**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 10) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ soi/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : **Có/ Yes: Không/ No:**
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01673**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây! The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận! This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	3 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-3 μm
- 1/2 vòng/ circle	-2 μm
- 1 vòng/ circle	-3 μm
- 1/5 vòng/ circle	-2 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 14/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
2. Kiểu/ Type : **Cơ**
3. Số hiệu/ Serial No : **2395950**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 10) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : **Có/ Yes: Không/ No:**
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01672**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	3 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-3 μm
- 1/2 vòng/ circle	-4 μm
- 1 vòng/ circle	-3 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k=2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 13/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR
2. Kiểu/ Type : Cơ
3. Số hiệu/ Serial No : 2574517
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 75:2001
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01671
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuỳn

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	4 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-4 μm
- 1/2 vòng/ circle	-5 μm
- 1 vòng/ circle	-4 μm
- 1/5 vòng/ circle	-5 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 12/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
2. Kiểu/ Type : **Cơ**
3. Số hiệu/ Serial No : **2560113**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 10) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : **Có/ Yes: Không/ No:**
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01670**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuần

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	3 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-2 μm
- 1/2 vòng/ circle	-3 μm
- 1 vòng/ circle	-1 μm
- 1/5 vòng/ circle	-1 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 11/HCĐĐ/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR
2. Kiểu/ Type : Cơ
3. Số hiệu/ Serial No : 210578
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 75:2001
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01669
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	3 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	3 μm
- 1/2 vòng/ circle	-4 μm
- 1 vòng/ circle	4 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 10/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
2. Kiểu/ Type : **Cơ**
3. Số hiệu/ Serial No : **8082**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **GUOGEN**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 10) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : **Có/ Yes: Không/ No:**
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01665**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây! The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KB-ĐL-CL Bình Thuận! This calibration certificate shall not be reprinted except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 09/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
 2. Kiểu/ Type : **Cơ**
 3. Số hiệu/ Serial No : **1845**
 4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
 5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **GUOGEN**
 6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
 7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 10) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
 8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
 Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
 9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
 10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
 11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
 12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
 14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
 15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01668**
 16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuỳn

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
 - Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KB-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	3 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-3 μm
- 1/2 vòng/ circle	-3 μm
- 1 vòng/ circle	4 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Diễn, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 08/HCĐD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR
2. Kiểu/ Type : Cơ
3. Số hiệu/ Serial No : 1145
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : GUOGEN
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 75:2001
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01663
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	4 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	4 μm
- 1/2 vòng/ circle	3 μm
- 1 vòng/ circle	-4 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	1 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điện, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 07/HCDD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
2. Kiểu/ Type : **Cơ**
3. Số hiệu/ Serial No : **2814341**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **WMT**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 50) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01662**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuần

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	-3 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-2 μm
- 1/2 vòng/ circle	-3 μm
- 1 vòng/ circle	-4 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)**
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 06/HCDD/26

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
 2. Kiểu/ Type : **Cơ**
 3. Số hiệu/ Serial No : **2802841**
 4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
 5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **WMT**
 6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
 7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 50) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
 8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
 Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
 9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
 10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
 11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
 12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
 14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
 15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01661**
 16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuỳên

Phạm Hải Đăng

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
 - Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	-4 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	5 μm
- 1/2 vòng/ circle	-4 μm
- 1 vòng/ circle	-4 μm
- 1/5 vòng/ circle	-3 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	3 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 05/HCDD/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
2. Kiểu/ Type : **Cơ**
3. Số hiệu/ Serial No : **2802865**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **WMT**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 50) mm**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **0,01 mm**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 75:2001**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : **Có/ Yes: Không/ No:**
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01660**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)**

Phạm Hải Đăng



**KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)**

Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	-4 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-3 μm
- 1/2 vòng/ circle	4 μm
- 1 vòng/ circle	-5 μm
- 1/5 vòng/ circle	-4 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	3 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)**
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 04/HCEDD/26

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ *Object* : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
 2. Kiểu/ *Type* : **Cơ**
 3. Số hiệu/ *Serial No* : **2814338**
 4. Số nhận dạng/ *Identified No* : **Không rõ/ Unidentified**
 5. Nơi sản xuất/ *Manufacture* : **WMT**
 6. Năm sản xuất/ *Year* : **Không rõ/ Unidentified**
 7. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification* :
 - Phạm vi đo/ *Measuring range* : **(0 ÷ 50) mm**
 - Giá trị vạch chia/ *Division* : **0,01 mm**
 8. Cơ sở sử dụng/ *Customer* : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
 9. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration* : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
 10. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of calibration* : **ĐLVN 75:2001**
 11. Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : **(20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
 12. Chuẩn sử dụng/ *Standards used* :
- | Mã số/ <i>ID</i> | Thiết bị/ <i>Equipment</i> | Liên kết chuẩn/ <i>Traceability</i> |
|------------------|---|-------------------------------------|
| TB.30 | Máy kiểm đồng hồ so/ <i>Gage tester</i> | ĐLCT |
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Có/ *Yes*: Không/ *No*:
 14. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : **09/04/2026**
 15. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : **01659**
 16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ *Recalibration recommended* : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuỳên

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây! *The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận! *This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.*

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	-3 μm
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-3 μm
- 1/2 vòng/ circle	-4 μm
- 1 vòng/ circle	-5 μm
- 1/5 vòng/ circle	-2 μm
* Độ hồi sai/ Retrace error	3 μm
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 μm

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 5,9 \mu\text{m}$.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điện, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 17/HCTB/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY ĐÀM TẠO MẪU/ PATTERN MAKING MACHINE**
2. Kiểu/ Type : **DZY-II MOTOR**
3. Số hiệu/ Serial No : **0220904**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **2022**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Tốc độ đàm/ speed : **30 lần/ phút**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **QTHC.15**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 2) °C**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.39	Thước cặp/ Vernier Callipers	ĐLBT
TB.20	Cân kỹ thuật/ Technical Balances	ĐLBT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01687**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Trọng lượng búa (kg)	4,53
Độ cao rơi tự do của bàn đấm (mm)	457
Chu kỳ đấm (lần/ phút)	30

ĐK 435

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điện, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
 Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 16/HCTB/26

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY ĐÀM TẠO MẪU/ PATTERN MAKING MACHINE**
2. Kiểu/ Type : **YZ - B5**
3. Số hiệu/ Serial No : **240514**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **2024**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Tốc độ đàm/ speed : **60 lần/ phút**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
 Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **QTHC.15**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 2) °C**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.39	Thước cặp/ Vernier Callipers	ĐLBT
TB.20	Cân kỹ thuật/ Technical Balances	ĐLBT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01686**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
 (Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 (Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
 (pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
 (Deputy Director)



Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
 - Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Trọng lượng búa (kg)	4,53
Độ cao rơi tự do của bàn đấm (mm)	457
Chu kỳ đấm (lần/ phút)	60

ĐK 435

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 15/HCTB/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY LOS ANGELES/ LOS ANGELES MACHINE**
2. Kiểu/ Type : **MH - 1**
3. Số hiệu/ Serial No : **LA290425**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Tốc độ vòng quay/ Rotation speed : **(30 ÷ 33) vòng/ phút**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **QTHC.09**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.40	Thước cặp/ Vernier Callipers	ĐLBT
TB.35	Máy đo tốc độ vòng quay/ Rotational tachometer	TTĐL
TB.21	Cân kỹ thuật/ Technical Balances	ĐLBT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01685**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026

(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)



PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Phạm Hải Đăng

Trương Văn Thuần

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

17.1. Trọng lượng viên bi :

Viên bi	Trọng lượng (g)	Viên bi	Trọng lượng (g)
1	408,12	7	420,64
2	443,08	8	419,51
3	402,37	9	416,33
4	425,15	10	420,28
5	401,42	11	431,19
6	427,23	12	435,21

17.2. Tốc độ vòng quay của máy :

Trung bình (vòng/phút)	30
------------------------	----

17.3. Kích thước cơ bản của máy :

Chiều dài lòng ống (mm)	510
Đường kính trong (mm)	710
Chiều dày tấm kim loại (mm)	12

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 14/HCTB/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **THIẾT BỊ THỬ CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG/
CONCRETE STRENGTH TESTING EQUIPMENT**
2. Kiểu/ Type : **N-34**
3. Số hiệu/ Serial No : **155967**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **PROCEQ**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : **(10 ÷ 100) R**
 - Giá trị vạch chia/ Division : **2 R**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 150 : 2004**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(25 ± 10) °C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.34	Đe chuẩn/ C380	VMI
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01683**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị bật nảy của đề chuẩn/ <i>Rebound value of calibration anvil (R)</i>	Giá trị chỉ thị trên thiết bị, R <i>Indication Value, R</i>										Sai số tuyệt đối <i>/ Absolute error (R)</i>	
	1 st	2 nd	3 rd	4 th	5 th	6 th	7 th	8 th	9 th	10 th		Trung bình/ <i>Average</i>
(82 ± 2)	82	82	80	82	82	80	80	82	82	82	81,4	-0,6

- Sai số cho phép/ *Permitted error* : ± 2 R

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95% : $U = 2,14 R$ / *Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 2,14 R$.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra; kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ *This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ *This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điện, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 13/HCTB/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **THIẾT BỊ XÁC ĐỊNH ĐIỂM HÓA MỀM NHỰA/
APPARATUS FOR DETERMINING SOFTENING POINT
OF PLASTICS**
2. Kiểu/ Type : 85 - 2
3. Số hiệu/ Serial No : 04023
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Phạm vi nhiệt độ/ Temperature Range : (0 ÷ 125) °C
- Độ phân giải/ Resolution : 0,1 °C
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.10
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C ; (50 ± 15) % RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.39	Thước cặp/ Vernier Callipers	ĐLBT
TB.29	Cân kỹ thuật/ Technical Balances	ĐLBT
TB.23	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ/ K, T, J, S	SMEQ

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01680
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

17.1 Bi thép/ steel ball :

Kết quả/ Result	Đường kính/ Diameter (mm)	Trọng lượng/ Weight (g)
Viên 1	9,52	3,52
Viên 2	9,53	3,52

17.2 Cốc thủy tinh/ Glass cup :

Đường kính/ Diameter (mm)	Chiều cao/ Height (mm)
86,28	122,26

17.3 Nhiệt độ/ Temperature :

Giá trị chuẩn/ Standard value °C	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on the object °C	Số hiệu chỉnh/ Correction °C	Độ không đảm bảo đo/ Uncertainty °C
39,84	40,00	-0,16	0,52
59,85	60,00	-0,15	0,52

Ghi chú/ Notes :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor=2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 12/HCTB/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **DỤNG CỤ XÁC ĐỊNH ĐỘ KIM LÚN/
SUBSIDENCE NEEDLE**
2. Kiểu/ Type : DF-6
3. Số hiệu/ Serial No : 150951B
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Chiều sâu xuyên tối đa/ Max.Piercing depth : 50 mm
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.10
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C ; (50 ± 15) % RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.39	Thước cặp/ Vernier Callipers	ĐLBT
TB.29	Cân kỹ thuật/ Technical Balances	ĐLBT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01679
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Deputy Director)



Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

17.1 Trọng lượng : (g)

Trọng lượng kim xuyên	2,50
Trọng lượng quả cân 50 g	50,01
Trọng lượng quả cân 100 g	100,01
Trọng lượng chốt kẹp kim	47,51

17.2 Kích thước vòng đai và kim xuyên : (mm)

Chiều dài nhìn thấy của kim	45,00
Đường kính kim	1,00
Đường kính mũi kim	0,15
Chiều dài vòng đai	38,20
Đường kính vòng đai	3,18

17.3 Cốc đựng mẫu : (mm)

- Cốc mẫu 1 :

Đường kính	34,00
Chiều sâu	46,00

- Cốc mẫu 2 :

Đường kính	55,00
Chiều sâu	37,00

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 11/HCTB/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **CÀN BENKELMAN/ BENKELMAN BEAM**
2. Kiểu/ Type : Không rõ/ Unidentified
3. Số hiệu/ Serial No : 02
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Việt Nam/ VietNam
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Tỷ lệ/ Ratio : 2:1
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.12
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Đồng hồ so 50 mm/ Dial Indicator 50 mm	ĐLBT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01678
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT.GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuận

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

- Phương trình hiệu chuẩn/ The calibration equation : $y = 1,996 x$
- * Với/ With :
 - y: giá trị tính toán/ Calculated value , mm
 - x: giá trị đọc trên đồng hồ so/ Reading value , mm
 - Tỷ số truyền của cân / Beam fulcrum ratio : 1,996 : 1

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo do mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95% : $U = 1,91 \%$ giá trị tính toán/ Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 1,91 \%$ Calculated value.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 10/HCTB/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **CÀN BENKELMAN/ BENKELMAN BEAM**
2. Kiểu/ Type : Không rõ/ Unidentified
3. Số hiệu/ Serial No : 01
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Việt Nam/ VietNam
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Tỷ lệ/ Ratio : 2:1
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.12
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Đồng hồ so 50 mm/ Dial Indicator 50 mm	ĐLBT
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 09/04/2026
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01667
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 09/04/2027

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)



Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

- Phương trình hiệu chuẩn/ The calibration equation : $y = 1,998 x$

* Với/ With : - y: giá trị tính toán/ Calculated value , mm

- x: giá trị đọc trên đồng hồ so/ Reading value , mm

- Tỷ số truyền của cần / Beam fulcrum ratio : 1,998 : 1

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95% : $U = 1,99 \%$ giá trị tính toán/ Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 1,99 \%$ Calculated value.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 09/HCTB/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY ĐO ĐỘ KÉO DÀI NHỰA ĐƯỜNG/
EQUIPMENT FOR MEASURING BITUMEN STRATCH**
2. Kiểu/ Type : **LYS-2**
3. Số hiệu/ Serial No : **03**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo nhiệt/ Temperature range : **(0 ÷ 50) °C**
 - Phạm vi đo giãn dài/ Elongation range : **(0 ÷ 1 500) mm**
 - Vận tốc kéo/ Speed drag : **50 mm/ min**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **QTHC.10**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 2) °C ; (50 ± 15) % RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.35	Đồng hồ bấm giây điện tử/ Electronic stopwatch	TTV3

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : **Có/ Yes: Không/ No:**
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01676**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

• Vận tốc kéo/ Speed drag :

Lần 1 (mm/min)	Lần 2 (mm/min)	Lần 3 (mm/min)	Trung bình/ Average (mm/min)
45	46	46	45,7

• Giãn dài/ Elongation :

Giá trị chuẩn Reference Value, mm	Giá trị chỉ thị Indication Value, mm	Sai số Error, mm
0,0	0	0,0
100,0	100	0,0
300,0	300	0,0
600,0	600	0,0
900,0	900	0,0
1200,0	1200	0,0
1500,0	1500	0,0

Ghi chú/Notes :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy: $U = (1,936 + 1,233 L) \mu\text{m}$, (L):mm/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor=2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95%: $U = (1,936 + 1,233 L) \mu\text{m}$, (L):mm.

• Nhiệt độ/ Temperature :

Giá trị chuẩn/ Standard value $^{\circ}\text{C}$	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on the object $^{\circ}\text{C}$	Số hiệu chỉnh/ Correction $^{\circ}\text{C}$	Độ không đảm bảo đo/ Uncertainty $^{\circ}\text{C}$
24,83	25,30	-0,47	0,59

Ghi chú/ Notes :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor=2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điện, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N°: 08/HCL/26

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/03

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY NÉN KHÔNG NỠ HÔNG/
CONSOLIDATION APPARATUS**
2. Kiểu/ Type : **WG**
3. Số hiệu/ Serial No : **05**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ Year : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Phạm vi đo/ Measuring range : **(0 ÷ 245) kgf**
 - Tỷ lệ đòn danh nghĩa/ Beam ratio : **1/12**
 - Diện tích mẫu nén/ Mould's area : **30 cm²**
 - Bộ quả/ Weight set :

Giá trị danh nghĩa/ Nominal value (kgf)	0,319	0,638	1,275	2,55	5,1
Số lượng/ Quantity	2	1	1	3	2

8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG
Số 526 Điện Biên Phủ, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh**
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration : **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯỚC THẮNG**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **ĐLVN 109 : 2002**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 2) °C**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.31	Load Cell	VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes : Không/ No :
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **09/04/2026**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **01688**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **09/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Trương Văn Thuỳên

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

Giá trị danh nghĩa trên phương tiện đo/ Nominal value on tester		Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal.device		Sai số tương đối/ Relative error
kPa (*)	kgf	kgf	kPa (*)	%
Đòn số 1/ Beam No 1				
0	0,000	0,000	0,000	-
12,5	3,828	3,795	12,406	0,87
25	7,656	7,612	24,884	0,58
50	15,300	15,176	49,610	0,82
100	30,600	30,355	99,230	0,81
200	61,200	60,868	198,977	0,55
300	91,800	91,281	298,398	0,57
400	122,400	121,626	397,595	0,64
800	244,800	242,972	794,275	0,75
Đòn số 2/ Beam No 2				
0	0,000	0,000	0,000	-
12,5	3,828	3,792	12,396	0,95
25	7,656	7,585	24,795	0,94
50	15,300	15,152	49,532	0,98
100	30,600	30,388	99,338	0,70
200	61,200	60,757	198,615	0,73
300	91,800	91,134	297,917	0,73
400	122,400	121,662	397,713	0,61
800	244,800	243,759	796,848	0,43

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.

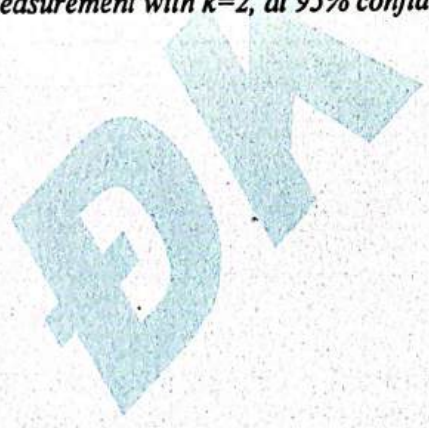


Đòn số 3/ Beam No 3

0	0,000	0,000	0,000	
12,5	3,828	3,805	12,439	0,60
25	7,656	7,612	24,884	0,58
50	15,300	15,178	49,617	0,80
100	30,600	30,336	99,168	0,87
200	61,200	60,787	198,713	0,68
300	91,800	91,367	298,679	0,47
400	122,400	121,669	397,736	0,60
800	244,800	243,554	796,178	0,51

Ghi chú/ Note :

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95%: $U = 2,00\%$ giá trị đọc/ *Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level : $U = 2,00\%$ reading value.*



17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
CALIBRATION RESULTS

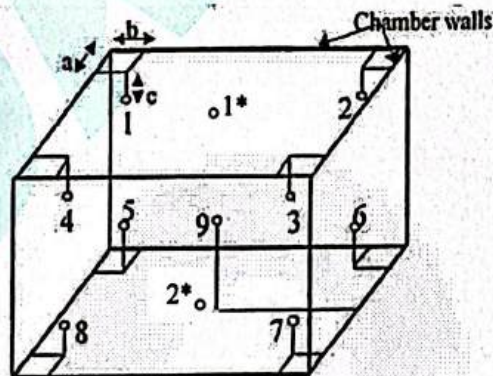
a. Kết quả hiệu chuẩn nhiệt độ/ Result of Temperature calibration

Nhiệt độ đặt/ Set temperature °C	Giá trị chỉ thị/ Average Indication Value °C	Giá trị chuẩn/ Reference Value °C	Độ ổn định/ Stability °C	Độ đồng đều/ Uniformity °C	Số hiệu chỉnh(Δt)/ Correction °C	Độ KĐBĐ (U)/ Uncertainty °C
20,0	20,0	20,3	± 0,2	± 0,3	0,3	0,9

b. Kết quả hiệu chuẩn độ ẩm/ Result of Humidity calibration

Vị trí đặt/ Location	Giá trị chuẩn/ Standard value %RH	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on the object %RH	Số hiệu chỉnh/ Correction %RH	Độ không đảm bảo đo/ Uncertainty %RH
1*	90,75	89	2	4,1
2*	90,55	89	2	4,2

Hình vẽ minh họa/ Illustration Figure

**Ghi chú/ Notes:**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy / The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor = 2, which for a normal distribution to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.